

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH CHỌN NGHỀ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ThS. TRƯƠNG THỊ HOA
Trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Trong nhà trường trung học phổ thông (THPT), giáo dục hướng nghiệp (GDHN) luôn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh (HS). GDHN sẽ giúp HS có sự hiểu biết về ngành nghề, về hệ thống các trường đào tạo, về nhu cầu nhân lực của xã hội. Bên cạnh đó, GDHN còn hình thành cho HS những kĩ năng đánh giá bản thân, kĩ năng tìm kiếm thông tin và giúp các em chọn nghề phù hợp. Trên thực tế, hiện nay GDHN trong nhà trường chưa đáp ứng được nhu cầu chọn nghề của HS. Đa số HS chọn nghề theo cảm tính. Các em thường lúng túng, khó khăn trong việc lựa chọn cho mình một nghề phù hợp. Để tìm hiểu điều này, chúng tôi đã nghiên cứu những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề và phát hiện ra những khó khăn nào là lớn nhất đối với HS.

2. Những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề

Để tìm hiểu những khó khăn trong quá trình chọn nghề của HS THPT khu vực Hà Nội, chúng tôi đã khảo sát HS của 8 trường THPT¹ gồm 3 khối lớp 10, 11 và 12. Mỗi khối lớp điều tra 2 lớp. Tổng số HS điều tra là 2131. Ngoài ra, chúng tôi điều tra 30 giáo viên (GV) mỗi trường. Trong tổng số 217 GV tham gia điều tra, có 1 GV giảng dạy môn Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, 23 GV giảng dạy môn Công nghệ, còn lại là GV các môn học khác.

2.1. Đánh giá của giáo viên

Để tìm hiểu HS gặp phải những khó khăn nào trong quá trình chọn nghề, chúng tôi đã điều tra GV với câu hỏi: Theo thầy/cô, HS thường gặp phải những khó khăn nào trong quá trình chọn nghề? Kết quả được thể hiện cụ thể ở bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá của GV về những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề

STT	Những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề	Khu vực Nội thành		Khu vực Ngoại thành		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Khả năng tự đánh giá bản thân của HS còn hạn chế	109	100	108	100	217	100
2	Hiểu biết về ngành nghề của HS còn hạn chế	76	69,72	82	75,93	158	72,81
3	Hiểu biết về các trường đào tạo còn hạn chế	72	66,06	79	73,15	151	69,59
4	HS không biết mình phù hợp với ngành nghề nào	109	100	108	100	217	100
5	Không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề	105	96,33	98	90,74	203	93,55
6	Học sinh không xác định được mục tiêu của bản thân về nghề	68	62,39	57	52,78	125	57,60
7	HS gặp khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin	85	77,98	90	83,33	175	80,65

Từ bảng trên, chúng ta có nhận xét như sau:

- Khả năng tự đánh giá bản thân của HS còn hạn chế (100%);
- HS không biết mình phù hợp với ngành nghề nào (100%);
- Không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề (93,55%);
- Kiến thức về ngành nghề của HS còn hạn chế (92,63%);
- HS gặp khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin (80,65%);
- Kiến thức về các trường đào tạo còn hạn chế (79,72%);
- HS không xác định được mục tiêu của bản thân về nghề (57,60%).

Sự đánh giá của GV khu vực nội thành và ngoại thành có khác nhau: GV khu vực ngoại thành đánh giá khó khăn về kiến thức về ngành nghề; kiến thức về các trường đào tạo, khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin của HS... cao hơn so với đánh giá của GV khu vực nội thành. Qua trao đổi với GV, chúng tôi được biết HS nội thành có cơ hội tiếp xúc với thông tin nhanh chóng hơn. Gia đình các em cũng có điều kiện hơn, hầu như

1. THPT Trần Phú, THPT Phan Đình Phùng, THPT Trần Nhân Tông, THPT Nguyễn Gia Thiều, THPT Cao Bá Quát, THPT Văn Nội, THPT Phú Xuyên A, THPT Ngọc Tảo.

mỗi em đều có một chiếc máy tính cho riêng mình, điều này tạo điều kiện cho HS dễ dàng tiếp cận với thông tin liên quan đến việc lựa chọn ngành nghề. Tuy nhiên, có khó khăn ở chỗ HS không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề. Qua điều tra và trò chuyện với GV, chúng tôi được biết, vì đa số HS khu vực nội thành có bố mẹ là cán bộ nhà nước, thậm chí có những gia đình bố mẹ là cán bộ cao cấp, họ nhận thấy được sự khó khăn, vất vả khi SV ra trường đi tìm việc, do đó họ thường yêu cầu con em mình phải nghe theo ý kiến của họ, không cho các em quyền tự do quyết định. Còn ở các trường khu vực ngoại thành, đa phần HS là con em nông dân, sự hiểu biết của họ về ngành nghề chưa nhiều, do đó họ tôn trọng ý kiến của con, họ chỉ mong sao con họ đổ vào trường ĐH để sau này có việc làm ổn định, cuộc sống đỡ vất vả hơn.

2.2. Đánh giá của học sinh

Kết quả bảng 2 cho thấy, trong quá trình chọn nghề HS đã gặp phải những khó khăn sau:

- Không biết mình phù hợp với ngành nghề nào (88,69%);
- Khả năng tự đánh giá bản thân còn hạn chế (88,17%);
- Thiếu tài liệu, sách vở liên quan đến hướng nghiệp (86,02%);
- Nhà trường chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu định hướng nghề cho HS (82,50%);
- Chưa có sự hướng dẫn tận tình của GV (81,75%);
- Khả năng tìm kiếm thông tin còn hạn chế (67,10%);
- Thiếu hiểu biết về ngành nghề (64,29%);
- Không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề (52,98%);
- Hiểu biết về các trường đào tạo còn hạn chế (43,45%);
- Những khó khăn khác (6,80%).

So sánh sự đánh giá của HS khu vực nội thành và ngoại thành thì đa phần HS khu vực ngoại thành gặp

Bảng 2. Đánh giá của HS về những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề

STT	Những khó khăn của HS trong quá trình chọn nghề	Khu vực Nội thành		Khu vực Ngoại thành		Tổng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Thiếu tài liệu sách vở liên quan đến hướng nghiệp	813	74,72	920	88,21	1833	86,02
2	Khả năng tự đánh giá bản thân còn hạn chế	915	84,10	964	92,43	1879	88,17
3	Chưa có sự hướng dẫn tận tình của giáo viên	890	81,80	852	81,69	1742	81,75
4	Thiếu hiểu biết về ngành nghề	657	60,39	713	68,36	1370	64,29
5	Hiểu biết về các trường đào tạo còn hạn chế	464	42,65	462	44,30	926	43,45
6	Không biết mình phù hợp với ngành nghề nào	916	84,19	974	93,38	1890	88,69
7	Nhà trường chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu định hướng nghề cho HS	871	80,06	887	85,04	1758	82,50
8	Không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề	690	63,42	439	42,09	1129	52,98
9	Khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin	679	62,41	751	72,00	1430	67,10
10	Những khó khăn khác: (yêu cầu ghi cụ thể)	48	4,41	97	9,30	145	6,80

khó khăn hơn so với khu vực nội thành. Tuy nhiên, về khó khăn: *HS không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề* thì HS khu vực nội thành lại chiếm tỉ lệ cao hơn, như đã trình bày ở trên.

Từ kết quả của bảng 1 và 2, có thể khái quát những khó khăn mà HS gặp phải trong quá trình chọn nghề như sau:

2.3. Những khó khăn chủ quan

- *Khả năng tự đánh giá bản thân của HS còn hạn chế.* Khả năng tự đánh giá bản thân về tính cách, năng lực, sở thích, hứng thú, giá trị nghề của HS còn yếu. Các em không trả lời được câu hỏi: Khả năng của mình là gì? Tính cách của mình như thế nào? Và sở thích của mình ra sao? Qua trò chuyện với GV, họ đều có nhận định rằng HS thường mơ hồ trong việc đánh giá bản thân mình. HS không biết mình có những sở thích, năng lực nổi trội gì. Đây là một trong những khó khăn lớn nhất của HS trong quá trình chọn nghề phù hợp.

- *HS không biết quyết định lựa chọn ngành nghề nào.* Khó khăn này thể hiện ở chỗ các em lúng túng khi đưa ra quyết định chọn nghề. Trong xã hội có rất nhiều nghề, do vậy các em không biết lựa chọn nghề

nào phù hợp với mình. HS thường có xu hướng băn khoăn giữa lựa chọn nghề theo sở thích và lựa chọn nghề theo khả năng. Hoặc những HS này thường tham khảo ý kiến của rất nhiều người, mỗi người lại đưa ra ý kiến riêng, ngành nghề riêng và ngành nghề nào xem ra cũng phù hợp. Do đó, các em gặp nhiều khó khăn khi đưa ra quyết định chọn nghề nào cho mình.

- *HS không giải quyết được mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong sự lựa chọn ngành nghề.* Điều này cho thấy, cha mẹ ảnh hưởng không nhỏ đến sự lựa chọn nghề của các em. Sự ảnh hưởng này có mặt tích cực và tiêu cực. Ảnh hưởng tích cực ở chỗ, cha mẹ là nguồn động viên con cái trong quá trình chọn nghề, định hướng ngành nghề cho con với khả năng hiểu biết của mình. Ảnh hưởng tiêu cực ở chỗ, cha mẹ thường bắt con lựa chọn nghề theo ý của họ, không cho con quyền quyết định.

- *Kiến thức về ngành nghề của HS còn hạn chế.* HS chỉ hiểu biết về ngành nghề một cách khái quát, các em chưa thật sự tìm hiểu đầy đủ về các ngành nghề. Qua trao đổi, nhiều GV nói rằng HS chỉ biết về ngành nghề một cách phiến diện, nghĩa là ngành nghề đó đem lại mức lương cao hay thấp, làm việc ở đâu. Rất ít HS hiểu biết về ngành nghề một cách sâu sắc, cụ thể.

- *Kiến thức về trường cần chọn của HS còn hạn chế.* Kiến thức về trường bao gồm rất nhiều mặt, tuy nhiên HS chỉ hiểu biết các trường về chỉ tiêu tuyển sinh, điểm chuẩn, tỉ lệ cạnh tranh... Rất ít HS tìm hiểu những nội dung khác về trường như môi trường học tập, học phí,...

- *Học sinh không xác định được mục tiêu của bản thân về nghề.* Theo đánh giá của GV, rất ít HS đến nhờ thầy, cô giúp đỡ về việc xác định mục tiêu nghề nghiệp của bản thân. Điều này cho thấy, đa phần HS không chú trọng đến việc xác định mục tiêu cho bản thân mình về nghề nghiệp tương lai.

2.4. Những khó khăn khách quan

- *Thiếu tài liệu, sách, thông tin liên quan đến hướng nghiệp.* Đây là khó khăn không chỉ HS gặp phải. Ngay cả GV cũng thấy rằng thiếu tài liệu, sách vở, những thông tin liên quan đến ngành nghề cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc lựa chọn nghề của HS. Một HS chia sẻ với chúng tôi: "Trường em hầu như không có tài liệu nào về vấn đề hướng nghiệp cho chúng em tham khảo. Trong thư viện có mỗi 3 cuốn "Hoạt động GDHN trong trường THPT". Bên cạnh đó, trên thị trường sách báo hiện nay, HS cũng khó có thể tìm được nhiều tài liệu về hướng nghiệp, chọn nghề.

- *HS gặp khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin.* Việc tìm kiếm thông tin đối với HS tương đối khó khăn. Lí do ở đây không phải là các em không có điều

kiện để tra cứu thông tin mà là nguồn thông tin chính thống ít, những thông tin về ngành nghề còn mang tính chất đại khái, chung chung, những thông tin về nhu cầu thị trường lao động dường như rất khan hiếm, lại không được cập nhật, do đó HS gặp khó khăn trong quá trình tìm thông tin cho mình.

- *Chưa có sự hướng dẫn tận tình của giáo viên.* Đây là đánh giá rất khách quan của HS, như chúng tôi đã nhận xét, nhiều GV hiện nay rất ít coi trọng việc hướng nghiệp cho HS. Họ làm công việc này chỉ là vì trách nhiệm nhà trường giao cho. Có những GV chỉ mong dạy xong ở lớp, ở trường để đi dạy thêm, rất ít có thời gian dành cho HS. Qua quan sát, dự giờ những tiết sinh hoạt lớp chúng tôi nhận thấy chủ yếu GV tổng kết những gì đã đạt được, những gì chưa đạt được, rất ít GV dành thời gian để hướng dẫn HS chọn nghề, chỉ ở khối 12, GV có nhắc nhở HS chú trọng đến việc lựa chọn nghề cho bản thân. Tuy nhiên, vẫn có những GV muốn giúp các em định hướng nghề nghiệp, nhưng họ lại không có đủ kiến thức, kĩ năng để làm việc này, họ chỉ làm bằng kinh nghiệm, do vậy hiệu quả không cao.

- *Nhà trường chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu định hướng nghề cho HS.* Đây cũng là thực trạng của hầu hết tất cả các trường THPT. Qua điều tra, chúng tôi nhận thấy, có những trường không thực hiện công tác GDHN, do vậy, việc đáp ứng nhu cầu lựa chọn ngành nghề của HS dường như không có...

3. Kết luận

Trong quá trình chọn nghề cho bản thân, HS đã gặp phải rất nhiều khó khăn chủ quan và khách quan. Kết quả nghiên cứu trên cho thấy, nhiều HS không nhận thức được bản thân và không biết lựa chọn ngành nghề nào phù hợp. Điều này đòi hỏi người GV trong quá trình GDHN phải có những biện pháp kịp thời để giúp các em tháo gỡ những khó khăn nói trên. Qua đó, HS hiểu về mình tốt hơn, hiểu biết về ngành nghề, trường đầy đủ hơn, và đó chính là cơ sở vững chắc để các em chọn được nghề phù hợp cho bản thân, góp phần nâng cao hiệu quả GDHN trong nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Danh Ánh (2010), *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin.
2. *Chương trình giáo dục phổ thông* ban hành theo Quyết định số 16/ 2006/QĐ-BGDĐT 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
3. Lê Thị Thanh Hương (chủ biên) (2010), *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông - thực*

trạng ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế, NXB Khoa học xã hội.

4. Phùng Đình Mẫn (chủ biên) (2005), *Một số vấn đề cơ bản về hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT*, NXB Giáo dục.

5. Phạm Tất Dong (2000), *Sự lựa chọn tương lai*, NXB Thanh niên.

6. Phạm Tất Dong (chủ biên) (2012), *Tư vấn hướng nghiệp cho HS Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU... (Tiếp theo trang 22)

Đối tượng của đọc hiểu là các văn bản theo nghĩa rộng nhất của thuật ngữ này. Trong các loại văn bản văn học, người ta thường chia ra hai loại lớn: văn bản hư cấu (fiction) và văn bản không hư cấu (non-fiction). Trong các văn bản hư cấu, thơ trữ tình là loại văn bản rất khó, có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau, do giàu có về trí tưởng tượng, do các đặc trưng riêng về ngôn từ nghệ thuật như trên đã nêu. Vì thế, vấn đề hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu thơ trữ tình là hoàn toàn không đơn giản, đòi hỏi một quá trình rèn luyện công phu và nỗ lực hết mình của cả thầy và trò trong nhà trường phổ thông.

Thông thường, quy trình tạo ra một năng lực nào đó phải trải qua 3 bước cơ bản: *hình thành - rèn luyện và phát triển*. Năng lực đọc hiểu văn bản nói chung và thơ trữ tình nói riêng cũng như thế. *Hình thành* năng lực đọc hiểu thơ trữ tình chỉ là bước đầu mang lại cho học sinh những hiểu biết để có thể nhận ra thế nào là đọc hiểu một văn bản thơ trữ tình; yêu cầu của việc đọc hiểu văn bản và tiêu chí để đánh giá việc hiểu văn bản thơ trữ tình, v.v... Sau khi biết cần phải làm nhiều, thực hành nhiều (rèn luyện) để có được kĩ năng đọc hiểu thơ trữ tình. Có kĩ năng đọc hiểu thơ trữ tình chưa phải là đã có năng lực đọc hiểu thơ trữ tình; cần phải *phát triển* kĩ năng này bằng cách tăng cường vận dụng, mở rộng đối tượng đọc hiểu các dạng loại văn bản thơ trữ tình khác; huy động và bổ sung thêm nhiều tri thức, kĩ năng, tình cảm, thái độ, kinh nghiệm sống khác từ trong đời sống, gắn với đời sống và trong các tình huống, bối cảnh khác nhau để tự mình khám phá được vẻ đẹp (nội dung và hình thức) của một bài thơ cụ thể, bất kì thì mới trở thành *năng lực đọc hiểu* văn bản thơ trữ tình.

4. Kết luận

Với chương trình và sách giáo khoa hiện hành, vấn đề đọc hiểu văn bản nói chung và văn bản thơ trữ tình nói riêng mới chỉ dừng lại bước *hình thành* và *rèn*, chưa phát triển thành một *năng lực đọc hiểu* để có thể giúp học sinh tự mình đọc hiểu, đánh giá và thẩm định được cái hay, cái đẹp và ý nghĩa, giá trị của các

SUMMARY

To understand difficulties in students' process to choose careers, we investigated 2,131 students and 217 teachers at 08 high schools in Hanoi. Research findings showed that subjective difficulties include: limitation in self-assessment, do not know the right job; do not solve conflict between themselves and their parents in job choice. The objective difficulties include: lack of documentation related to career; the school did not timely meet needs for students' career-orientation.

bài thơ trữ tình tương tự chưa được học. Vấn đề đặt ra là không chỉ cần *hình thành* mà còn phải *phát triển* những hiểu biết về đọc hiểu thơ trữ tình thành *năng lực đọc hiểu* và *tự đọc hiểu* thơ trữ tình cho học sinh. Với góc độ này, đến nay chưa có công trình nào tập trung đi sâu về vấn đề *phát triển năng lực đọc hiểu* thơ trữ tình cho học sinh một cách hệ thống và toàn diện.

Chính vì thế, với yêu cầu mới của chương trình Ngữ văn sau 2015, rất cần tập trung nghiên cứu, trao đổi để có được một phương hướng và quy trình dạy học nhằm hình thành cho học sinh năng lực đọc hiểu thơ trữ tình một cách có hiệu quả và vững chắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông – Môn Ngữ văn*, NXB Giáo dục.
2. Hoài Thanh và Hoài Chân (1988), *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học.
3. Trần Đình Sử (2004), *Đọc hiểu văn bản - một khâu đột phá trong dạy học Ngữ Văn*, Tạp chí Giáo dục (102).
4. Phan Huy Dũng (2009), *Tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông, một góc nhìn, một cách đọc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Đỗ Ngọc Thống (2006), *Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa Ngữ Văn Trung học phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Đỗ Ngọc Thống (2008), *Đánh giá năng lực đọc hiểu của học sinh – Nhìn từ yêu cầu của PISA*, Tạp chí Tia sáng.

SUMMARY

The lyric poem can reflect life, strong emotions, mood through implicit language, plenty visual and rhythm, often with small capacity, it is concise, easy to feel and learn by heart. In the current Literature subject, lyric poem accounts for a considerable proportion. The author analyzes several issues in developing its reading comprehension competence for high school students; in order to get teaching direction and processes, help shape students' competence in reading lyric poem effectively and firmly.